

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MT02011: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
(ENVIRONMENTAL MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 02 (Lý thuyết 02 – Thực hành 0 - Tự học 06)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 24 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 06 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quản lý Môi trường
 - Khoa: Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: Ô nhiễm môi trường (Mã HP: MT02011)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu:**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp kiến thức để sinh viên có thể vận dụng các công cụ trong công tác quản lý môi trường
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về đánh giá, phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng tổng hợp tài liệu, viết báo cáo
- Về thái độ: Học phần rèn luyện cho sinh viên tự chủ tìm, đọc và nghiên cứu tài liệu, tích cực tham gia thảo luận, cập nhật kiến thức về quản lý môi trường

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình**

Sau khi hoàn tất Chương trình, Sinh viên có thể:

Kiến thức chung	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
-----------------	--

Kiến thức chuyên môn	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường.
	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
	CDR 5: Thiết kế các công trình xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.
Kỹ năng chung	CDR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
	CDR8: Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng; đạt chuẩn Tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CDR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
	CDR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT											
		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12
MT02011	Quản lý Môi trường	I	P	M	P		P	P		P	I	R	R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích được mối quan hệ giữa các thành phần trong hệ thống môi trường	CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, chính trị, xã hội, nhân văn, pháp luật, kinh tế và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành Khoa học môi trường.
K2	Phân tích được chất lượng môi trường và mối quan hệ qua lại giữa môi trường và phát triển	CDR2: Phân tích chất lượng môi trường bao gồm thiết kế và thực hiện các thí nghiệm về môi trường, cũng như thu thập và giải thích số liệu.
K3	Chứng minh được nguyên tắc, mục tiêu, nội dung và cơ sở khoa học của công tác quản lý môi trường	CDR3: Đánh giá tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải đến chất lượng môi trường

K4	Lựa chọn được các công cụ pháp lý, kinh tế và kỹ thuật trong phân tích thông tin, xây dựng kế hoạch quản lý môi trường	CDR4: Xây dựng các giải pháp bền vững cho việc quản lý, bảo vệ môi trường và tài nguyên dựa trên các quan điểm (perspectives) khác nhau của khoa học, nhân văn và xã hội.
Kỹ năng		
K 5	Đọc hiểu các tài liệu tài liệu chuyên môn bao gồm cả tiếng Anh về lĩnh vực Môi trường	CDR 6: Vận dụng tư duy tầm hệ thống, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong giải quyết các vấn đề của ngành môi trường và các lĩnh vực liên quan.
K 6	Lập kế hoạch, làm việc độc lập, làm việc nhóm	CDR7: Làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đa chức năng.
K7	Tổng hợp tài liệu, viết báo cáo, trình bày báo cáo hiện trạng môi trường	CDR 9: Vận dụng các hướng tiếp cận (approaches) và các phương pháp, kỹ thuật phù hợp để điều tra, khảo sát, nghiên cứu các vấn đề của ngành môi trường.
K8	Sử dụng được máy tính, Internet, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu đáp ứng công việc cơ bản trong việc giải quyết các nhiệm vụ của ngành Môi trường	CDR 10: Sử dụng công nghệ, các trang thiết bị và kỹ thuật hiện đại trong các hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.
Thái độ		
K 9	Học tập và nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên quan tới lĩnh vực công tác một cách chủ động	CDR11: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.
K 10	Hình thành thói quen và thái độ tự giác trong bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững	CDR12: Thể hiện các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và phục vụ sự phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

MT02011. Quản lý Môi trường (Environmental Management). (02 TC: 2-0-6).

Học phần này gồm 6 chương và cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của khoa học môi trường, mục tiêu, nội dung, xu hướng quản lý môi trường, các cơ sở khoa học của công tác quản lý môi trường để hiểu hơn hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Khoá học này cũng phân tích một số công cụ pháp luật, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ trong công tác quản lý môi trường đối với lĩnh vực môi trường đô thị, khu công nghiệp và nông thôn.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận theo nhóm
- E-learning: Sinh viên nhận tài liệu và nộp bài tập trực tuyến theo nhóm và nhận được phản hồi đánh giá từ giảng viên theo hộp thư quanlymoitruong.trauquy@gmail.com (Password: qlmttrauquy)

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, nhận diện các vấn đề liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm

- Sinh viên được khích lệ sử dụng tổng hợp các kiến thức từ các môn học khác để phân tích và đề xuất giải pháp quản lý môi trường.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 20 tiết học lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc bài giảng, tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp.
- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành bài tập giảng viên giao theo nhóm
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành 02 bài tập nhóm có thảo luận
- Thi giữa kì: Tham gia trình bày và nộp báo cáo bài tập nhóm có thảo luận
- Thi cuối kì: Tham gia kỳ thi cuối kỳ bằng đề thi trắc nghiệm

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình: 40%
 - + Thảo luận trên lớp: 10%
 - + Tham gia làm bài tập thảo luận theo nhóm: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kỳ: 60%

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Ma trận đánh giá các kết quả học tập mong đợi của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Thảo luận trên lớp (10%)	Tham gia làm bài tập theo nhóm (30%)	Thi cuối kỳ (60%)
K1	x		x
K2	x		x
K3			x
K4			x
K5		x	
K6		x	
K7		x	
K8		x	
K9	x		
K10	x		

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Định nghĩa được môi trường theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp
K1	Chỉ báo 2: Phân loại môi trường theo các đặc trưng khác nhau

K1	Chỉ báo 3: Mô tả được các chức năng của môi trường.
K2	Chỉ báo 4: Định nghĩa phát triển kinh tế xã hội
K2	Chỉ báo 5. Liệt kê các nhu cầu của phát triển đối với môi trường
K2	Chỉ báo 6. Phân tích các ảnh hưởng của phát triển lên môi trường
K2	Chỉ báo 7. Phân tích các ảnh hưởng của môi trường lên phát triển
K2	Chỉ báo 8. Giải thích thế nào là phát triển bền vững
K2	Chỉ báo 9. Giải thích các nguyên tắc phát triển bền vững
K3	Chỉ báo 10. Nêu được định nghĩa quản lý môi trường
K3	Chỉ báo 11. Giải thích các nguyên tắc của quản lý môi trường
K3	Chỉ báo 12. Nêu các mục tiêu chung của quản lý môi trường
K3	Chỉ báo 13. Phân loại các dạng khác nhau của công tác quản lý môi trường
K3	Chỉ báo 14. Giải thích tại sao con người cần quản lý môi trường.
K3	Chỉ báo 15. Giải thích tại sao con người có khả năng quản lý môi trường
K3	Chỉ báo 16. Nêu được các cơ sở khoa học – kỹ thuật – công nghệ của quản lý môi trường
K3	Chỉ báo 16. Biết một số văn bản pháp lý quốc tế về môi trường
K3	Chỉ báo 17. Hiểu biết hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam
K3	Chỉ báo 18. Giải thích được về ngoại ứng và hàng hoá công cộng
K3	Chỉ báo 19. Diễn giải được mục đích của nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền và người hưởng thụ phải trả tiền
K4	Chỉ báo 20. Phân loại được các công cụ quản lý môi trường theo bản chất và chức năng
K4	Chỉ báo 21. Biết về luật bảo vệ môi trường các một số nghị định, thông tư liên quan đến quản lý môi trường ở Việt Nam
K4	Chỉ báo 22. Hiểu về các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật môi trường
K4	Chỉ báo 23. Hiểu được các công cụ kinh tế trong công tác quản lý môi trường
K4	Chỉ báo 24. Hiểu được phạm vi áp dụng một số công cụ kỹ thuật trong quản lý môi trường
K4	Chỉ báo 25. Hiểu được vai trò, nội dung của truyền thông môi trường
K4	Chỉ báo 26. Biết được hệ thống tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường
K4	Chỉ báo 27. Biết được các thẩm quyền các cơ quan trong việc phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường
K4	Chỉ báo 28. Hiểu khung DPSIR trong đánh giá hiện trạng môi trường
K4	Chỉ báo 29. Phân tích được diễn biến chất lượng môi trường đô thị tại Việt Nam
K4	Chỉ báo 30. Phân tích hiệu quả của các công cụ quản lý môi trường trong quản lý môi trường đô thị
K4	Chỉ báo 31. Phân tích được diễn biến chất lượng môi trường khu công nghiệp tại Việt Nam
K4	Chỉ báo 32. Phân tích hiệu quả của các công cụ quản lý môi trường trong

	quản lý môi trường khu công nghiệp
K4	Chỉ báo 33. Phân tích được diễn biến chất lượng môi trường khu vực nông thôn tại Việt Nam
K4	Chỉ báo 35. Phân tích hiệu quả của các công cụ quản lý môi trường tại khu vực nông thôn
K4	Chỉ báo 33. Xây dựng công tác quản lý môi trường tại một địa điểm cụ thể
K4	Chỉ báo 34. Sử dụng được các quy chuẩn chất lượng môi trường xung quanh để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường
K4	Chỉ báo 35. Sử dụng được các quy chuẩn thải để đánh giá sự tuân thủ của các nguồn thải

Rubric 1: Thảo luận trên lớp

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Điểm danh thời gian tham dự	50	Tham dự đủ 100% số buổi	Tham dự > 90% số buổi học	Tham dự từ 70% - 90% số buổi học	Tham dự dưới 70% số buổi học
Thái độ tham dự và phát biểu ý kiến trong lớp học	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ít tham gia

Rubric 2: Tham gia làm bài tập theo nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung	40	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Hình thức và mức độ tin cậy của báo cáo	20	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Kỹ năng thuyết trình	20	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tốt. Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Tương tác bằng mắt, cử chỉ khá tốt. Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ. Trả lời đúng đa số các câu hỏi đặt đúng, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Không có tương tác bằng mắt. Trả lời sai đa số các câu hỏi đặt đúng

Sự phối hợp trong nhóm	20	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm
------------------------	----	--	--	---	--------------------------------------

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Nộp bài tập chậm*: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm: trừ 50% điểm chuyên cần.
- *Không làm bài tập tiểu luận*: 0 điểm.
- *Không làm bài giữa kỳ*: 0 điểm
- *Điểm thi cuối kỳ*: Không tham thi cuối kỳ (và không có lý do được chấp thuận theo QĐ hiện hành): điểm 0.

Yêu cầu về đạo đức: Không được sử dụng điện thoại trong lớp, không đi muộn, không ngủ trong lớp. Tôn trọng ý kiến khác biệt và quyền cá nhân.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

1. Hồ Thị Lam Trà, Lương Đức Anh, Cao Trường Sơn (2012). Giáo trình quản lý môi trường. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. GS.TSKH Lê Huy Bá (chủ biên), Thái Vũ Bình, Vũ Đình Long, Giáo trình Quản lý môi trường (phần chuyên đề) (2016), Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

** Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)*

1. Quốc hội (2014), Luật bảo vệ môi trường 2014

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), Báo cáo định kỳ hiện trạng Môi trường

3. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (2010), Giáo trình Kinh tế Môi trường

4. Đinh Thị Hải Vân, Cao Trường Sơn, (2018) Đánh giá dòng nito trên quy trình chăn nuôi lợn quy mô trang trại tại Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 12, tr: 15-21

5. Cao Trường Sơn, **Đinh Thị Hải Vân**, Nguyễn Thanh Lâm, Phan Trung Đức, 2018, Áp dụng kiểm toán chất thải cho hoạt động chăn nuôi bò thịt quy mô hộ gia đình tại xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 12, tr: 5-14

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
1-2	Chương 1: Những vấn đề cơ bản của quản lý môi trường	
	<i>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6tiết)</i> Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6tiết) 1.1. Những vấn đề chung trong quản lý môi trường 1.2. Khủng hoảng môi trường 1.3. Các mục tiêu, nội dung, nguyên tắc và xu hướng quản lý môi trường	K1, K2, K3
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18tiết)</i> Khủng hoảng môi trường	K1, K2, K3
3	Chương 2: Cở sở của quản lý môi trường	
	<i>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</i>	K1, K2

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	<p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>2.1. Cơ sở triết học của quản lý môi trường</p> <p>2.2. Cơ sở khoa học công nghệ của quản lý môi trường</p> <p>2.3. Cơ sở kinh tế của quản lý môi trường</p> <p>2.4. Cơ sở luật pháp của quản lý môi trường</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9tiết)</p> <p>Cơ sở của quản lý môi trường: phân tích mối quan hệ Tự nhiên – Con người – Xã hội</p>	K1, K2
4-5-6	<p>Chương 3: Các công cụ trong quản lý môi trường</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (12 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (12 tiết)</p> <p>3.1. Khái niệm về công cụ quản lý môi trường</p> <p>3.2. Phân loại công cụ quản lý môi trường</p> <p>3.3. Công cụ luật pháp – chính sách</p> <p>3.4. Công cụ kinh tế</p> <p>3.5. Công cụ kỹ thuật</p> <p>3.6. Công cụ phụ trợ</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (36 tiết)</p> <p>Báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường Đô thị, khu công nghiệp, Nông thôn</p>	K4, K5, K6
7	<p>Chương 4. Hệ thống quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường và công tác thanh kiểm tra môi trường</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>4.1. Tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại một số nước</p> <p>4.2. Tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Việt Nam</p> <p>4.3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Tìm hiểu về luật Bảo vệ Môi trường và hệ thống tổ chức, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của Tổng cục Môi trường</p>	K4, K5
8	<p>Chương 5. Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>5.1. Phân tích mô hình DPSIR</p> <p>5.2. Các công cụ pháp lý, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ áp dụng trong quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp</p> <p>Chia nhóm thảo luận và trình bày</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</p> <p>Làm bài tiểu luận và bài trình bày báo cáo về thực trạng công tác quản lý</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10

Tuần	Nội dung	KQHTMD của HP
	môi trường theo nhóm đối với từng lĩnh vực.	K7, K8, K9, K10
	Chương 6: Quản lý môi trường nông thôn và làng nghề	
9	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết) Các công cụ pháp lý, kinh tế, kỹ thuật và phụ trợ áp dụng trong quản lý môi trường nông thôn và làng nghề Chia nhóm thảo luận và trình bày	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tiểu luận và bài trình bày báo cáo về thực trạng công tác quản lý môi trường theo nhóm đối với từng lĩnh vực.	
10	Sinh viên thuyết trình theo nhóm 3-5 sinh viên/nhóm, hỏi đáp và nộp bài tiểu luận	K1 – K10

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng, giấy Ao, bút viết bảng.
- E- learning

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2016
- Lần 2: 7/ 2017
- Lần 2: 7/ 2018
- Lần 4: 7/ 2019

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Cao Trường Sơn

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. NGÔ THẾ AN

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Đinh Thị Hải Vân

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Đinh Thị Hải Vân	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0936953333
Email: dinhthihaivan@gmail.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Cao Trường Sơn	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0975278172
Email: caotruongson.hua@gmail.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0986784458
Email: hongngockhtn@gmail.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Lương Đức Anh	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 0969713084
Email: anhld.hua@gmail.com	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	